



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH
(REE)**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

DVT: ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,987,946,924	2,653,821,284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	549,785,790	1,171,788,846
111	1. Tiền		128,959,415	77,317,157
112	2. Các khoản tương đương tiền		420,826,375	1,094,471,689
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10	180,764,235	288,700,369
121	1. Đầu tư ngắn hạn		274,695,644	361,432,133
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(93,931,409)	(72,731,764)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		555,113,194	600,330,974
131	1. Phải thu khách hàng		285,582,574	271,735,934
132	2. Trả trước cho người bán		93,688,635	55,225,718
134	3. Phải thu theo tiến độ xây dựng		193,021,829	276,934,524
135	4. Các khoản phải thu khác		16,245,770	29,860,412
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33,425,614)	(33,425,614)
140	IV. Hàng tồn kho	4	670,392,620	569,335,040
141	1. Hàng tồn kho		680,263,803	578,838,863
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9,871,183)	(9,503,823)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		31,891,085	23,666,055
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2,977,431	2,409,622
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9,781,786	15,204,630
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		768,142	511,130
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5	18,363,726	5,540,673
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		2,764,973,172	2,308,106,153
220	I. Tài sản cố định	6	279,021,498	158,512,735
221	1. Tài sản cố định hữu hình		14,240,317	15,706,762
222	- Nguyên giá		42,467,797	42,299,380
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28,227,480)	(26,592,618)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	13,008,904	13,459,522
228	- Nguyên giá		16,101,052	16,139,459
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,092,148)	(2,679,937)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	251,772,277	129,346,451

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

DVT: ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
240	II. Bất động sản đầu tư	9	466,000,230	484,513,457
241	1. Nguyên giá		665,845,921	665,845,922
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(199,845,691)	(181,332,465)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	2,005,185,536	1,651,254,156
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.1	840,019,077	454,079,014
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1,362,061,380	1,366,394,953
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(196,894,921)	(169,219,811)
270	V. Tài sản dài hạn khác		14,765,908	13,825,805
271	1. Chi phí trả trước dài hạn		105,926	223,519
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		11,786,074	10,868,378
278	3. Tài sản dài hạn khác		2,873,908	2,733,908
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4,752,920,096	4,961,927,437
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		1,990,916,575	2,032,745,053
310	I. Nợ ngắn hạn		1,870,532,453	1,946,844,829
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	1,046,403,012	1,035,448,317
312	2. Phải trả người bán		233,322,575	221,839,462
313	3. Người mua trả tiền trước		339,448,195	475,891,222
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	31,757,917	65,296,741
315	5. Phải trả người lao động		30,564	2,289,949
316	6. Chi phí phải trả		59,257,303	32,309,146
318	7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng		-	22,290,176
319	8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13	149,789,549	82,698,442
320	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9,182,341	7,496,556
323	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,340,997	1,284,818
330	II. Nợ dài hạn		120,384,122	85,900,224
333	1. Phải trả dài hạn khác		71,913,360	67,899,540
334	2. Vay và nợ dài hạn	14	48,436,442	17,966,364
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15	34,320	34,320

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

DVT: ngàn VN Đ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
400	B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	2,761,742,064	2,899,971,598
410	I. Vốn chủ sở hữu		2,761,742,064	2,899,971,598
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1,862,932,890	1,862,932,890
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		521,021,907	521,021,907
414	3. Cổ phiếu quỹ		(9,587,449)	(43,034)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1,281,246	378,534
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		70,417,784	70,417,784
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		75,185,293	58,217,918
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		240,490,393	387,045,599
500	C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		261,457	29,210,786
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4,752,920,096	4,961,927,437



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng

Ngày 05 tháng 08 năm 2011



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

ĐVT: ngàn VNĐ

Mã Số	Diễn giải	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	455,794,284	388,561,834	854,793,909	742,061,631
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(46,591)	(403,679)	(82,597)	(1,223,133)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	455,747,693	388,158,155	854,711,312	740,838,498
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(300,842,415)	(260,265,947)	(563,933,758)	(493,512,799)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.2	154,905,278	127,892,208	290,777,554	247,325,699
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	62,429,175	21,092,474	125,908,227	54,316,234
22	7. Chi phí tài chính	18	(62,950,147)	(6,552,205)	(111,518,461)	(10,117,713)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(24,614,810)	(1,173,201)	(47,383,353)	(3,248,836)
24	8. Chi phí bán hàng		(14,195,710)	(14,284,281)	(15,916,931)	(22,200,408)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(34,080,520)	(32,250,794)	(70,119,525)	(67,158,231)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106,108,076	95,897,402	219,130,864	202,165,581
31	11. Thu nhập khác	19	1,781,710	1,834,031	3,556,231	5,302,476
32	12. Chi phí khác	19	-	(196,346)	(20,310)	(364,761)
40	13. Lợi nhuận khác		1,781,710	1,637,685	3,535,921	4,937,715
45	14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết		(7,766,103)	-	(7,766,103)	-
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		100,123,683	97,535,087	214,900,682	207,103,296
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(21,200,150)	(25,361,946)	(43,743,196)	(48,649,255)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		475,167	-	917,697	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		79,398,700	72,173,141	172,075,183	158,454,041
	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		677,653	(413,419)	1,267,644	(287,596)
	18.2 Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		78,721,046	72,586,560	170,807,538	158,741,637
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)		423	439	917	970



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng
Ngày 05 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

DVT: ngàn VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		214,900,682	207,103,295
	Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
02	Khấu hao tài sản cố định	8,10,11	20,778,784	21,826,192
03	Các khoản dự phòng		56,060,130	1,432,603
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		929,087	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(122,503,287)	(46,426,846)
06	Chi phí lãi vay	18	47,383,353	3,248,836
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		217,548,749	187,184,080
09	Tăng giảm các khoản phải thu		(11,510,006)	121,168,645
10	Tăng giảm hàng tồn kho		(101,424,940)	(227,587,886)
11	Tăng giảm các khoản phải trả		(58,113,999)	192,428,603
12	Tăng giảm chi phí trả trước		25,431	208,543
13	Tiền lãi vay đã trả		(14,963,171)	(3,221,116)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(75,463,266)	(22,706,704)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8,438,131	6,407,416
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5,826,503)	(7,944,116)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(41,289,574)	245,937,465
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(111,760,926)	(13,952,065)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		961,561	-
23	Tiền chi cho vay		(833,143,973)	(775,875,812)
24	Tiền thu hồi cho vay của các đơn vị khác		931,479,670	740,958,586
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(513,096,753)	(126,567,513)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		92,569,984	44,866,261
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		109,998,129	34,447,494

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

ĐVT: ngàn VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(322,992,308)	(96,123,049)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	6,234,000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(3,323,505)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		362,528,824	109,153,530
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(321,281,988)	(166,993,458)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(298,064,867)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(260,141,536)	(51,605,928)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(624,423,418)	98,208,488
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1,171,788,846	244.409.919
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2,420,362	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	549,785,790	342.618.407



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám Đốc

Ngày 05 tháng 08 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1506/GP-UB ngày 25 tháng 12 năm 1993 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty đã được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/GPPH ngày 2 tháng 6 năm 2000 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Nhóm Công ty thông qua công ty mẹ, các công ty con, công ty đồng kiểm soát có các hoạt động chính là thiết kế, sản xuất và lắp đặt các hệ thống điều hòa không khí, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông và đồ điện gia dụng, sở hữu và cho thuê cao ốc văn phòng, cung cấp nước và tiến hành các hoạt động đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)***Niên độ kế toán***

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 30 tháng 06 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư của Công ty vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm lập báo cáo, nhóm công ty không thể áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu mà ghi nhận theo phương pháp vốn gốc cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh do hạn chế về việc cập nhật các thông tin tài chính từ các công ty liên doanh. Tuy nhiên, công ty tin rằng tác động của việc điều chỉnh khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư này là không trọng yếu.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn thị giá vào thời điểm cuối kỳ báo cáo.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước – xuất trước.
Thành phẩm và sản phẩm dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm báo cáo. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ trong suốt thời gian còn lại của quyền sử dụng đất (36 năm và 3 tháng) tính từ tháng 08 năm 2007.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Nhà xưởng và máy móc	7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)***Thuê tài sản***

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê vẫn giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào tài sản cố định của Công ty trên bảng cân đối kế toán.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa hoặc một phần nhà cửa hoặc cả hai và cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu tiền cho thuê hoặc tăng giá trị hoặc cả hai hơn là phục vụ cho mục đích sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ; nhằm mục đích hành chính hoặc kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua hoặc xây dựng bất động sản.

Khấu hao

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị phụ trợ	5 - 10 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Nhóm Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi cung cấp dịch vụ.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*Doanh thu từ hợp đồng cung cấp và lắp đặt*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng HTKD)

Doanh thu được ghi nhận khi Hợp đồng HTKD công bố chia lợi nhuận cho các bên tham gia Hợp đồng HTKD.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi các khoản đầu tư được bán. Thu nhập từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư và các khoản thu nhập này được ghi nhận khi cổ tức được công bố.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được mua bởi Nhóm Công ty mà đang được giữ như là cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ các cổ phiếu phổ thông được Nhóm Công ty mua lại và được ghi nhận là cổ phiếu ngân quỹ cộng số lượng bình quân gia quyền của các cổ phiếu sẽ được phát hành cho việc chuyển đổi tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	303,150	512,011
Tiền gửi ngân hàng	128,656,265	76,805,146
Các khoản tương đương tiền	420,826,375	1,094,471,689
TỔNG CỘNG	<u>549,785,790</u>	<u>1,171,788,846</u>

4. HÀNG TỒN KHO

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hàng hóa tồn kho	110,968,268	68,348,645
Nguyên vật liệu tồn kho	177,004,015	189,144,688
Công cụ dụng cụ tồn kho	250,040	192,573
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	373,205,199	256,006,433
Hàng mua đang đi đường	18,836,281	65,146,524
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9,871,183)	(9,503,823)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>670,392,620</u>	<u>569,335,040</u>

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản ngắn hạn khác	17,371,726	4,562,173
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	992,000	978,500
TỔNG CỘNG	<u>18,363,726</u>	<u>5,540,673</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

ĐVT: ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	16,423,357	8,548,923	8,060,977	8,689,653	576,470	42,299,380
- Tăng trong kỳ	26,818	66,393	-	310,461	-	403,672
- Thanh lý trong kỳ	-	-	-	235,255	-	235,255
Số cuối kỳ	16,450,175	8,615,316	8,060,977	8,764,859	576,470	42,467,797
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	8,993,966	4,643,505	5,099,384	7,279,293	576,470	26,592,618
- Khấu hao trong kỳ	328,257	599,362	401,805	462,003	-	1,791,427
- Giảm trong kỳ	-	-	-	156,565	-	156,565
Số cuối kỳ	9,322,223	5,242,867	5,501,189	7,584,731	576,470	28,227,480
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>7,429,391</u>	<u>3,905,418</u>	<u>2,961,593</u>	<u>1,410,360</u>	-	<u>15,706,762</u>
Số cuối kỳ	<u>7,127,952</u>	<u>3,372,449</u>	<u>2,559,788</u>	<u>1,180,128</u>	-	<u>14,240,317</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

ĐVT: ngàn VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	11,590,228	4,549,231	16,139,459
Tăng trong kỳ	-	33,501	33,501
Thanh lý trong kỳ	-	71,906	71,906
Số cuối kỳ	11,590,228	4,510,826	16,101,054
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	946,683	1,733,254	2,679,937
Khấu hao trong kỳ	162,289	311,842	474,131
Giảm trong kỳ	-	61,918	61,918
Số cuối kỳ	1,108,972	1,983,178	3,092,150
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	<u>10,643,545</u>	<u>2,815,977</u>	<u>13,459,522</u>
Số cuối kỳ	<u>10,481,256</u>	<u>2,527,648</u>	<u>13,008,904</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tòa nhà văn phòng tại số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4	246,031,237	124,872,584
Phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP	5,741,040	4,473,867
TỔNG CỘNG	<u>251,772,277</u>	<u>129,346,451</u>

DVT: ngàn VND

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Máy móc & thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	526,652,692	138,412,285	215,692	565,253	665,845,922
Số cuối kỳ	526,652,692	138,412,285	215,692	565,253	665,845,922
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	124,317,936	56,242,200	215,692	556,637	181,332,465
Khấu hao trong kỳ	11,705,047	6,803,480	-	4,700	18,513,227
Số cuối kỳ	136,022,983	63,045,680	215,692	561,337	199,845,692
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	<u>402,334,756</u>	<u>82,170,085</u>	-	<u>8,616</u>	<u>484,513,457</u>
Số cuối kỳ	<u>390,629,709</u>	<u>75,366,605</u>	-	<u>3,916</u>	<u>466,000,230</u>

DVT: ngàn VND

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán giao dịch	271,195,644	299,732,133
Đầu tư ngắn hạn khác	3,500,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	61,700,000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(93,931,409)	(72,731,764)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn	<u>180,764,325</u>	<u>288,700,369</u>
Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào các công ty liên kết và các công ty đồng kiểm soát (thuyết minh 10.1)	840,019,077	454,079,014
Đầu tư dài hạn khác	1,362,061,380	1,366,394,953
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(196,894,921)	(169,219,811)
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn	<u>2,005,185,536</u>	<u>1,651,254,156</u>
TỔNG CỘNG	<u>2,185,949,771</u>	<u>1,939,954,525</u>

DVT: ngàn VND

10.1 Đầu tư vào các công ty liên kết và công ty đồng kiểm soát

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (ngàn VNĐ)	Giá trị đầu tư (ngàn VNĐ)	Hoạt động kinh doanh
Công ty liên kết				
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	30	244,917,729	126,415,486	Ngành nước
Công ty CP Nhiệt Điện Vũng Áng II	22.83	33,528,300	30,648,300	Điện lực
Công ty Đầu Tư Hạ Tầng BĐS Việt Nam	34.94	34,423,442	35,452,473	Bất động sản
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn	22.78	43,593,054	47,397,251	Bất động sản
Công ty CP Cơ Điện Đoàn Nhất	35	11,550,000	3,150,000	Cơ điện
Công ty CP Cơ Điện Chất Lượng	36	1,068,612	1,068,612	Cơ điện
Công ty CP Cơ Điện Minh Thành	35	1,050,000	1,050,000	Cơ điện
Công ty CP Cơ Điện Hợp Phát	35	1,050,000	1,050,000	Cơ điện
Công ty CP Thủy Điện Thác Bà	23.80	227,814,999	207,226,610	Điện lực
Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ	32.64	240,527,156	-	Điện lực
Công ty đồng kiểm soát				
Liên Doanh 41B Lý Thái Tổ – Hà Nội	40	496,226	620,282	Bất động sản
TỔNG CỘNG		840,019,077	454,079,014	

10.2 Đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Quản Lý & Khai Thác Bất Động Sản R.E.E	100	TP.HCM – Việt Nam	Dịch vụ quản lý văn phòng
Trans Orient Pte Ltd.	100	Singapore	Kinh doanh và hậu cần
Công ty CP Dịch Vụ & Kỹ Thuật Cơ Điện Lạnh R.E.E (REE ME)	99.99	TP.HCM – Việt Nam	Cơ điện
Eastrade International Ltd (Công Ty con sở hữu 100% bởi REE ME)	99.99	Bán đảo BVI	Thương mại và hậu cần
Công ty CP Điện Máy R.E.E	99.99	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Vĩnh Thịnh	99.80	TP.HCM – Việt Nam	Điện máy
Công ty CP Bất Động Sản R.E.E	99.90	TP.HCM – Việt Nam	Bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2011, trên báo cáo hợp nhất của công ty không còn thể hiện khoản đầu tư vào công ty Cổ Phần Quản Lý RNG như khoản đầu tư vào công ty con vì sau một thời gian đầu tư vào công ty RNG, HĐQT công ty nhận thấy hoạt động quản lý quỹ không phù hợp với mục tiêu đầu tư chiến lược dài hạn của công ty nên đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ phần vốn công ty đang sở hữu, tương đương tỷ lệ 68,7% tại công ty RNG cho đối tác khác, thông qua hợp đồng được ký kết ngày 20/01/2011.

Với việc chuyển nhượng này, trong báo cáo Quý 1.2011, công ty đã tiến hành kết chuyển khoản đầu tư vào công ty con (RNG) sang khoản mục đầu tư ngắn hạn.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trái phiếu chuyển đổi	810,418,000	810,418,000
Vay ngắn hạn	231,391,376	215,947,891
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	4,593,636	9,082,426
TỔNG CỘNG	<u>1,046,403,012</u>	<u>1,035,448,317</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31,177,378	63,133,440
Thuế giá trị gia tăng	188,883	1,389,381
Thuế tiêu thụ đặc biệt	893	-
Thuế xuất, nhập khẩu	131,204	-
Thuế thu nhập cá nhân	181,790	-
Các loại phí và thuế khác	77,769	773,920
TỔNG CỘNG	<u>31,757,917</u>	<u>65,296,741</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả chi phí vật tư và công trình xây lắp	112,911,798	67,708,092
Chi phí bảo hành	5,267,989	5,267,989
Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn	1,695,006	927,398
Nhận ký quỹ, ký cược	854,160	684,160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29,060,596	8,110,803
TỔNG CỘNG	<u>149,789,549</u>	<u>82,698,442</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	DVT: ngàn VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn	<u>53,030,078</u>	<u>27,048,790</u>
Trong đó : Nợ dài hạn đến hạn trả	4,593,636	9,082,426
Nợ dài hạn	48,436,442	17,966,364

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm trước							
Số đầu năm	810,431,310	1,315,439,887	(28,913)	15,702	70,417,784	48,528,597	217,367,558
Tăng vốn năm nay	1,052,501,580	(794,417,980)	(14,121)	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	362,313,329
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	362,832	-	-	60,962
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	(162,083,600)
Thuởng vượt kế hoạch	-	-	-	-	-	-	(20,000,000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(923,204)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	9,689,321	(9,689,446)
Số cuối kỳ	1,862,932,890	521,021,907	(43,034)	378,534	70,417,784	58,217,918	387,045,599
Năm nay							
Số đầu năm	1,862,932,890	521,021,907	(43,034)	378,534	70,417,784	58,217,918	387,045,599
Tăng vốn năm nay	-	-	(9,544,415)	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	170,807,538
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(298,064,867)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	902,712	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	16,967,375	(19,297,877)
Số cuối kỳ	1,862,932,890	521,021,907	(9,587,449)	1,281,246	70,417,784	75,185,393	240,490,393

ĐVT: ngàn VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Trong kỳ công ty đã thực hiện chia cổ tức 16% bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế phát sinh của năm 2010 theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 31/03/2011.

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	DVT: ngànVNĐ	
	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Tổng doanh thu	455,794,284	388,561,834
Trong đó:		
Doanh thu sản xuất, thương mại	145,707,816	169,017,347
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng và các dịch vụ có liên quan)	89,925,761	82,641,562
Doanh thu từ dịch vụ cung cấp & lắp đặt	220,160,707	136,811,258
Doanh thu từ dịch vụ quản lý quỹ	-	91,667
Các khoản giảm trừ doanh thu	(46,591)	(403,679)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(46,591)	(403,679)
Doanh thu thuần	<u>455,747,693</u>	<u>388,158,155</u>

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	DVT: ngàn VNĐ	
	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Lãi tiền gửi	28,883,184	9,434,638
Cổ tức lợi nhuận được chia	25,036,905	8,989,457
Lãi từ bán, thanh lý các khoản đầu tư	5,080,134	1,689,439
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3,426,427	978,928
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2,525	12
TỔNG CỘNG	<u>62,429,175</u>	<u>21,092,474</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	DVT: ngàn VNĐ	
	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Lãi tiền vay	24,614,809	1,173,202
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5,063,138	2,120,565
Lỗ do bán các khoản đầu tư	1,454,026	1,446,361
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	31,769,981	671,768
Chi phí tài chính khác	48,193	1,140,309
TỔNG CỘNG	<u>62,950,147</u>	<u>6,552,205</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

18. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	DVT: ngàn VNĐ	
	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Thu nhập khác	1,781,710	1,834,031
Thu thanh lý tài sản	-	267,136
Thu nhập khác	1,781,710	1,566,895
Chi phí khác	-	196,346

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty, ngoại trừ Trans Orient Pte Ltd. Và Eastrade International Ltd. có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, trừ thu nhập cổ tức được miễn thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	DVT: ngàn VNĐ	
	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21,200,150	25,361,946
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(475,167)	-
TỔNG CỘNG	20,724,983	25,361,946

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm bốn bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

Dịch vụ cung cấp thiết bị và lắp đặt

Sản xuất, thương mại

Bất động sản

Quản lý quỹ

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả bộ phận Quý II năm 2011 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 như sau:

	DVT: ngàn VNĐ			
	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>				
Tổng doanh thu của bộ phận	301,487,970	174,554,525	100,756,900	576,799,395
Doanh thu giữa các bộ phận	(81,327,263)	(28,893,300)	(10,831,139)	(121,051,702)
TỔNG CỘNG	<u>220,160,707</u>	<u>145,661,225</u>	<u>89,925,761</u>	<u>445,747,693</u>
<i>Kết quả bộ phận</i>				
Kết quả hoạt động kinh doanh	30,402,723	17,171,663	59,054,661	106,629,047
Thu nhập tài chính				62,429,175
Chi phí tài chính				(62,950,147)
Thu nhập khác				1,781,710
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(7,766,103)
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(20,724,983)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(677,653)
Tổng lợi nhuận sau thuế				<u>78,721,046</u>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 như sau:

	DVT: ngàn VNĐ			
	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Hợp nhất
<i>Tài sản của bộ phận</i>				
Các khoản đầu tư	881,865,590	426,607,092	735,305,777	2,043,778,459
Tài sản không phân bổ				2,400,520,619
				<u>308,621,018</u>
TỔNG TÀI SẢN				<u>4,752,920,096</u>
<i>Nợ của bộ phận</i>				
Nợ không phân bổ	672,354,776	269,856,011	207,599,904	1,149,810,691
				<u>841,105,884</u>
TỔNG NỢ				<u>1,990,916,575</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Kết quả bộ phận Quý II năm 2010 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2010 như sau:

	DVT: Ngàn VNĐ			
	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Quản lý quỹ Hợp nhất
<i>Doanh thu</i>				
Tổng doanh thu của bộ phận	256,006,119	259,784,246	93,697,895	131,625
Doanh thu giữa các bộ phận	(119,194,861)	(91,170,578)	(11,056,333)	(39,959)
TỔNG CỘNG	136,811,258	168,613,668	82,641,562	91,666
<i>Kết quả bộ phận</i>				
Kết quả hoạt động kinh doanh	16,176,141	15,121,655	50,867,767	(808,430)
Thu nhập tài chính				21,092,474
Chi phí tài chính				(6,552,205)
Thu nhập khác				1,834,031
Chi phí khác				(196,346)
Thuế TNDN				(25,361,946)
Lợi ích cổ đông thiểu số				413,419
Tổng lợi nhuận sau thuế				72,586,560

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 như sau:

	DVT: Ngàn VNĐ				
	Dịch vụ cung cấp lắp đặt	Sản xuất Thương mại	Bất động sản	Quản lý quỹ	Hợp nhất
<i>Tài sản của bộ phận</i>					
Các khoản đầu tư	874,287,009	430,397,626	604,882,991	28,256,302	1,937,823,928
Tài sản không phân bổ					1,841,249,631
TỔNG TÀI SẢN					76,322,120
TỔNG TÀI SẢN					3,855,395,679
Nợ của bộ phận	676,000,405	329,486,002	114,092,301	(103,104)	1,119,475,604
Nợ không phân bổ					105,159,998
TỔNG NỢ					1,224,635,602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

22. CÁC SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong các báo cáo tài chính của kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của các báo cáo tài chính kỳ này.

23. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 và Quý II năm 2011 kết thúc cùng ngày đã được Ban Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 05 tháng 08 năm 2011.



Hồ Trần Diệu Linh
Kế toán trưởng
Ngày 05 tháng 08 năm 2011



Nguyễn Thị Mai Thanh
Tổng Giám Đốc

